

DỰ THẢO NGÀY 30/3/2010

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 34

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Xuân Thanh	Chủ tịch, bổ nhiệm ngày 24/02/2009
Ông Phạm Xuân Diệu	Chủ tịch, miễn nhiệm ngày 24/02/2009
Ông Vũ Đức Thuận	Ủy viên, bổ nhiệm ngày 12/10/2009
Ông Nguyễn Minh Sứ	Ủy viên, miễn nhiệm ngày 09/03/2009
Ông Nguyễn Đình Thế	Ủy viên, miễn nhiệm ngày 09/02/2009
Ông Đỗ Văn Thanh	Ủy viên, miễn nhiệm ngày 09/02/2009
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Ủy viên, bổ nhiệm ngày 09/02/2009
Ông Bùi Tiến Thành	Ủy viên, bổ nhiệm ngày 09/02/2009
Bà Nguyễn Thị Thu Hường	Ủy viên, bổ nhiệm ngày 16/11/2009

Ban Giám đốc

Ông Vũ Đức Thuận	Tổng Giám đốc, bổ nhiệm ngày 12/10/2009
Ông Phạm Xuân Diệu	Tổng Giám đốc, bổ nhiệm ngày 24/02/2009, miễn nhiệm ngày 12/10/2009
Ông Trịnh Xuân Thanh	Tổng Giám đốc, miễn nhiệm ngày 24/02/2009
Ông Nguyễn Minh Sứ	Phó Tổng Giám đốc, miễn nhiệm ngày 09/02/2009
Ông Nguyễn Huy Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Chung Dũng	Phó Tổng Giám đốc, bổ nhiệm ngày 21/04/2009
Ông Chu Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc, bổ nhiệm ngày 21/04/2009
Ông Phạm Hữu Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lý Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc, bổ nhiệm ngày 03/11/2009
Ông Nguyễn Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc, bổ nhiệm ngày 21/12/2009
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc, miễn nhiệm ngày 09/02/2009
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc, miễn nhiệm ngày 09/02/2009

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Vũ Đức Thuận**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2010

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Ngô Trung Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0784/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2010

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DNHN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.590.395.291.251	2.628.831.735.650
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	474.324.360.398	552.360.316.421
1. Tiền	111		474.324.360.398	255.226.144.671
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	297.134.171.750
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	136.553.164.263	84.130.220.915
1. Đầu tư ngắn hạn	121		136.553.164.263	84.130.220.915
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.891.314.648.358	968.171.867.923
1. Phải thu của khách hàng	131		542.776.979.453	255.508.974.476
2. Trả trước cho người bán	132		712.076.510.158	236.702.754.290
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		540.386.947.785	315.729.172.979
4. Các khoản phải thu khác	135	7	113.323.958.622	181.083.724.598
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(17.249.747.660)	(20.852.758.420)
IV. Hàng tồn kho	140	8	971.498.962.211	919.636.163.343
1. Hàng tồn kho	141		974.295.993.765	919.636.163.343
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.797.031.554)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		116.704.156.021	104.533.167.048
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.179.692.610	7.306.979.671
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		60.489.535.763	46.331.870.453
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		31.562.162	1.086.322.424
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	47.003.365.486	49.807.994.500
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.058.107.890.029	1.193.462.578.212
(200=220+250+260+269)				
I. Tài sản cố định	220		639.238.913.519	478.265.361.452
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	482.936.540.947	428.606.863.463
- Nguyên giá	222		752.507.852.054	575.927.074.921
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(269.571.311.107)	(147.320.211.458)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		6.054.845.056	-
- Nguyên giá	225		6.123.828.270	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(68.983.214)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		4.137.084.284	1.080.293.734
- Nguyên giá	228		5.901.507.508	2.349.255.410
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.764.423.224)	(1.268.961.676)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	146.110.443.232	48.578.204.255
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.160.713.757.842	656.352.109.149
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	814.537.363.842	336.833.121.539
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	346.176.394.000	320.005.076.160
4. Dự phòng giảm giá ĐT tài chính dài hạn	259		-	(486.088.550)
III. Tài sản dài hạn khác	260		218.623.923.665	39.453.532.290
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	213.218.561.553	35.455.649.040
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		1.757.687.888	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.647.674.224	3.997.883.250
IV. Lợi thế thương mại	269	16	39.531.295.003	19.391.575.321
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		5.648.503.181.280	3.822.294.313.862

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DNHN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3.609.465.173.598	2.148.282.195.842
I. Nợ ngắn hạn	310		3.343.242.739.421	2.130.130.331.610
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	534.857.897.979	551.052.794.190
2. Phải trả cho người bán	312		715.097.375.549	349.288.740.108
3. Người mua trả tiền trước	313		1.241.790.608.852	861.435.566.347
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	94.767.309.546	26.151.137.914
5. Phải trả người lao động	315		84.690.315.197	67.326.022.689
6. Chi phí phải trả	316	19	291.688.417.953	69.458.525.694
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	20	373.418.963.763	204.658.516.117
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		6.931.850.582	759.028.551
II. Nợ dài hạn	330		266.222.434.177	18.151.864.232
1. Phải trả dài hạn khác	333		160.464.000	160.464.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	256.817.313.366	16.419.315.300
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.117.170.886	1.572.084.932
4. Dự phòng phải trả dài hạn	337		7.127.485.925	-
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400	22	1.756.163.867.763	1.611.465.737.426
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.753.184.259.615	1.605.233.024.347
1. Vốn điều lệ	411		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		802.387.370	1.385.980.268
3. Cổ phiếu quỹ	414		(299.729.878)	(548.050.756)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.721.668.469	10.696.608.143
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.744.081.369	4.727.456.502
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		455.000.000	831.538.207
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		223.760.852.285	88.139.491.983
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.979.608.148	6.232.713.079
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		2.979.608.148	3.719.713.079
2. Nguồn kinh phí	432		-	2.513.000.000
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		282.874.139.919	62.546.380.594
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		5.648.503.181.280	3.822.294.313.862

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	31/12/2009	31/12/2008
Nợ khó đòi đã xử lý	9.667.586.524	9.766.683.990
Ngoại tệ các loại (USD)	1.956.663	4.172.748

Vũ Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Sơn
Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 03 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 02-DNHN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2009	2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.073.121.796.355	1.808.500.374.528
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.007.521.526	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	23	4.072.114.274.829	1.808.500.374.528
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	3.653.617.159.919	1.638.123.086.031
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		418.497.114.910	170.377.288.497
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	128.031.189.157	31.340.150.966
7. Chi phí tài chính	22	26	37.601.438.742	29.026.235.168
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		29.079.224.223	26.667.925.509
8. Chi phí bán hàng	24		4.608.384.336	23.302.571
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		266.071.307.750	92.359.561.295
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		238.247.173.239	80.308.340.429
11. Thu nhập khác	31		34.276.559.289	13.302.416.608
12. Chi phí khác	32		7.684.657.663	7.992.421.801
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		26.591.901.626	5.309.994.807
14. Lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	45	27	12.803.715.425	12.833.427.497
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		277.642.790.290	98.451.762.733
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	50.438.535.289	10.872.055.647
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1.757.687.888)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60		228.961.942.889	87.579.707.086
<i>Phân phối cho:</i>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		21.442.449.078	5.559.368.638
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		207.519.493.811	82.020.338.448
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.383	1.272

Vũ Đức Thuận
Tổng Giám đốc**Nguyễn Thanh Sơn**
Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 03 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 03-DNHN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2009	2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	277.642.790.290	98.451.762.733
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	76.494.075.329	33.604.170.338
Các khoản dự phòng	03	(1.292.067.756)	10.201.021.559
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(63.633.655)	-
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(73.773.990.000)	(39.285.697.379)
Chi phí lãi vay	06	29.079.224.223	26.667.925.509
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	308.086.398.431	129.639.182.760
(Tăng) các khoản phải thu	09	(931.933.144.500)	(558.008.274.191)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(54.659.830.422)	(482.620.900.846)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.040.631.301.234	755.864.584.733
(Tăng) chi phí trả trước và tài sản khác	12	(12.170.988.973)	(2.008.911.841)
Tiền lãi vay đã trả	13	(17.991.537.956)	(17.991.537.956)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(5.385.638.793)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(2.513.000.000)	64.575.362.281
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	7.672.571.879	(10.484.503.012)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	337.121.769.693	(126.420.636.865)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(267.661.191.248)	(210.081.039.865)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	34.876.089	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(58.389.201.139)	(385.121.212.912)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.966.257.791	301.514.952.097
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(886.824.121.977)	(75.868.790.883)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	51.036.591.478	28.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	156.905.290.878	26.452.269.882
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(998.931.498.128)	(315.103.821.681)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	354.791.546.412	722.972.217.508
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.311.072.302.493	400.175.907.135
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.028.416.789.657)	(171.307.256.357)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(53.673.286.836)	(2.085.632.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	583.773.772.412	949.755.236.286
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(78.035.956.023)	508.230.777.740
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	552.360.316.421	44.129.538.681
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm (70 = 50+60+61)	70	474.324.360.398	552.360.316.421

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 03-DNHN

Đơn vị: VND

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền dùng để mua tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 160.368.748.013 VND, là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Vũ Đức Thuận

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Sơn

Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 03 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNHN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Petro Việt Nam”) theo Quyết định số 532/QĐ-TTCT ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150.000.000.000 VND, trong đó vốn Nhà nước 135.051.750.000 VND, chiếm 90,03%.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Văn phòng Tổng Công ty đóng vai trò là công ty mẹ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 ngày 18 tháng 12 năm 2008.

Ngày 19 tháng 08 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu PVX.

Tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.500.000.000.000 VND, được chia thành 150.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND, trong đó vốn Nhà nước do Petro Việt Nam đại diện nắm giữ 866.518.500.000 VND, chiếm 57,77%, còn lại là các cổ đông khác.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bền vững.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DNHN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC qui định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Tổng Công ty bị lỗ, Tổng Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Giám đốc Tổng Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNHN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNHN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNHN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2009</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 7

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DNHN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Số năm

Phương tiện vận tải

5 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện giá trị còn lại của các khoản chi phí được coi là có khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi phí này được vốn hoá dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNHN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Công ty TNHH Vietubes (được lập bằng USD) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo trừ phi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và kết chuyển sang dự phòng chênh lệch tỷ giá của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ rút vốn khỏi liên doanh Công ty TNHH Vietubes của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNHN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty đang được hưởng ưu đãi đối với doanh nghiệp cổ phần mới thành lập bao gồm việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp trong hai năm tiếp theo. Tổng Công ty bắt đầu hưởng ưu đãi về thuế kể từ thời điểm chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần vào tháng 3 năm 2006. Năm 2009 là năm thứ tư Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, kinh doanh có lãi và là năm thứ hai được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Đối với các công ty con mà Tổng Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ cũng áp dụng giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như Tổng Công ty.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tổng Công ty không ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại do các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập là không trọng yếu.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNHN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền mặt	18.708.426.465	5.754.627.238
Tiền gửi ngân hàng	455.615.933.933	249.471.517.433
Các khoản tương đương tiền	-	297.134.171.750
	474.324.360.398	552.360.316.421

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, bao gồm:

- Khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, có kỳ hạn dưới một năm, với lãi suất dao động từ 15% đến 18%/năm;

- Khoản tiền ủy thác quản lý vốn cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam theo hợp đồng ủy thác số 080/2009/PVC/UTQLV ngày 21 tháng 07 năm 2009 với số tiền ủy thác là 1.000.000 USD, lợi tức ủy thác là 1.5%/năm và hợp đồng ủy thác số 096/2009/PVC/UTQLV ngày 19 tháng 10 năm 2009 với số tiền ủy thác là 5.400.000 USD, lợi tức ủy thác là 1.5%/năm.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Đền bù GPMB Khu công nghiệp Hoàng Mai	20.523.420.403	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Nội	7.000.000.000	-
Đền bù GPMB số 7 Quang Trung	5.300.000.000	-
Phải thu Bauer HK tiền thuế GTGT và thuế TNDN nhà thầu nước ngoài Tổng Công ty nộp hộ	4.230.018.429	4.230.018.429
Ban Điều hành Nhà máy Điện Vũng Áng	2.693.029.510	-
Phải thu Tổng Công ty Sông Hồng	2.100.000.000	-
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	2.008.154.052	120.066.766.101
Phải thu Kho Bạc Nhà nước huyện U Minh	1.387.186.565	-
Ban Điều hành Dự án Đường ống dẫn khí phía Nam	1.090.410.501	-
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	-	7.500.000.000
Ban Quản lý dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	-	4.054.046.928
Lãi dự thu của tiền gửi có kỳ hạn	-	3.427.483.889
Các khoản phải thu khác	66.991.739.162	41.805.409.251
	113.323.958.622	181.083.724.598

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNHN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	41.763.538.308	32.157.704.369
Công cụ, dụng cụ	2.596.633.700	1.304.458.892
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	909.866.917.486	837.975.559.856
Thành phẩm	6.804.188.576	2.398.877.454
Hàng hóa	13.264.715.695	45.799.562.772
	974.295.993.765	919.636.163.343
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.797.031.554)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	971.498.962.211	919.636.163.343

Trong năm, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.797.031.554 VND (năm 2008: 0 VND).

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tạm ứng	46.606.963.169	48.761.332.821
Các khoản cầm cố, ký quỹ ký cược ngắn hạn	329.853.057	846.322.187
Tài sản thiếu chờ xử lý	66.549.260	200.339.492
	47.003.365.486	49.807.994.500

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNHN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2009	51.172.863.159	350.584.631.480	147.169.200.375	24.149.379.907	2.851.000.000	575.927.074.921
Tăng do mua sắm	3.945.681.185	62.088.004.857	30.021.558.623	9.255.791.494	13.500.000	105.324.536.159
XCDB hoàn thành	-	10.650.929.043	6.200.592.069	-	-	16.851.521.112
Hợp nhất công ty con (i)	38.603.975.730	27.322.351.093	1.122.990.251	401.545.796	8.893.573.416	76.344.436.286
Tăng khác	-	3.368.333.131	1.299.955.498	529.367.219	11.025.000	5.208.680.848
Thanh lý, nhượng bán	(4.833.137.829)	(2.957.639.488)	(6.852.194.333)	(59.237.800)	-	(14.702.209.450)
Giảm khác	(1.159.000.000)	(2.189.279.243)	(6.962.025.316)	(2.051.883.263)	(84.000.000)	(12.446.187.822)
Tại ngày 31/12/2009	87.730.382.245	448.867.330.873	172.000.077.167	32.224.963.353	11.685.098.416	752.507.852.054
KHẤU HAO LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2009	18.918.563.178	78.250.564.994	32.520.908.270	16.175.773.126	1.454.401.890	147.320.211.458
Trích khấu hao trong năm	5.328.899.254	46.574.562.563	20.520.139.085	3.144.501.621	315.742.885	75.883.845.408
Hợp nhất Công ty con (i)	27.706.720.703	19.119.920.212	745.793.403	338.217.841	1.829.690.266	49.740.342.425
Tăng khác	-	3.483.389.495	-	18.103.774	-	3.501.493.269
Thanh lý, nhượng bán	(2.924.205.249)	(1.632.096.357)	(149.468.888)	(59.237.800)	-	(4.765.008.294)
Giảm khác	(71.655.244)	(1.266.968.451)	(598.065.001)	(171.134.463)	(1.750.000)	(2.109.573.159)
Tại ngày 31/12/2009	48.958.322.642	144.529.372.456	53.039.306.869	19.446.224.099	3.598.085.041	269.571.311.107
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2008	32.254.299.981	272.334.066.486	114.648.292.105	7.973.606.781	1.396.598.110	428.606.863.463
Tại ngày 31/12/2009	38.772.059.603	304.337.958.417	118.960.770.298	12.778.739.254	8.087.013.375	482.936.540.947

(i) Ngày 7 tháng 4 năm 2009, Công Cổ phần Xi măng Dầu khí 12-9 trở thành công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

- Tổng Công ty đã thế chấp một số máy móc thiết bị có tổng nguyên giá 190.930.384.000 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 làm đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Tổng Công ty.

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, tài sản cố định của Tổng Công ty bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 6.804.000.000 VND.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm các công trình sau:

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí giải phóng mặt bằng tòa nhà Dầu khí	-	15.433.085.429
Khu Công nghiệp Hoàng Mai	68.410.354.292	-
Ban quản lý Công ty Cổ phần Xi măng 12/9	21.240.728.825	-
Mua sắm tài sản cố định	18.240.687.191	11.214.446.564
Dự án “Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Phát triển đô thị khu vực 2 và 3”	-	8.315.549.389
Xưởng cơ khí vật liệu xây dựng Quảng Ngãi	12.124.202.438	1.524.108.578
Dự án Tiền Giang	7.854.449.405	5.436.200.518
Các công trình khác	18.240.021.081	6.654.813.777
	<u>146.110.443.232</u>	<u>48.578.204.255</u>

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	TP. Đà Nẵng	100,00%	100,00%	Đầu tư, xây dựng các công trình hạ tầng
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Bà Rịa-Vũng Tàu	72,45%	72,45%	Lắp đặt các hệ thống thiết bị công nghệ
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Bà Rịa-Vũng Tàu	100,00%	100,00%	Xây dựng công trình dân dụng & công nghiệp
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Bà Rịa-Vũng Tàu	57,93%	57,93%	Đầu tư xây dựng nhà máy, thiết bị dầu khí
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Nghệ An (*)	Nghệ An	39,55%	39,55%	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí (*)	TP. Hồ Chí Minh	40,48%	40,48%	Tư vấn đầu tư, khảo sát thiết kế công trình xây dựng
Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí 12/9 (*)	Nghệ An	47,34%	47,34%	Sản xuất xi măng và chất liệu kết dính
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	59,00%	59,00%	Khai thác vật liệu xây dựng, SX gia công cơ khí.

(*) Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù sở hữu nhỏ hơn 50% vốn góp tại Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Nghệ An, Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí và Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí 12/9 nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này bằng quyền chi phối các chính sách tài chính, hoạt động; giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính và bảo lãnh các hợp đồng vay. Các công ty nói trên được xác định là công ty con và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	828.426.885.636	341.473.263.292
Lợi thế thương mại	(39.531.295.003)	(20.592.823.350)
Lợi nhuận lũy kế từ công ty liên kết, liên doanh	25.641.773.209	15.952.681.597
	814.537.363.842	336.833.121.539
	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tổng tài sản	4.399.275.709.060	1.159.601.043.892
Tổng công nợ	1.795.202.413.413	38.408.724.433
Tài sản thuần	2.604.073.295.647	1.121.192.319.459
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào Công ty liên kết	814.537.363.842	313.856.647.490
	Năm kết thúc	Năm kết thúc
	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Doanh thu	607.474.950.863	165.028.071.176
Lợi nhuận thuần	82.017.258.468	62.787.070.411
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết	12.803.715.425	12.833.427.497

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí	TP Hồ Chí Minh	30,34%	30,34%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	TP Hà Nội	38,39%	38,39%	Xây dựng kinh doanh phát triển nhà
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc Tế Heerim PVC	TP Hà Nội	44,00%	44,00%	Thiết kế quy hoạch tổng thể mặt bằng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí	Bà Rịa-Vũng Tàu	34,00%	34,00%	Đầu tư xây dựng và khai thác khu công nghiệp
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí	Quảng Ngãi	40,00%	40,00%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Miền Nam	Đồng Nai	40,00%	40,00%	Xây dựng, quản lý, khai thác khu đô thị
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	TP Hà Nội	26,00%	26,00%	Kinh doanh, thi công bảo dưỡng thiết bị cơ điện
Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ Dầu khí cao cấp	TP Hà Nội	35,65%	35,65%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn, lữ hành
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà Dầu khí - SSG	TP Hà Nội	25,00%	25,00%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí	TP Hà Nội	30,78%	30,78%	Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sông Hồng	Khánh Hòa	20,79%	20,79%	Xây dựng nhà ở và cơ sở hạ tầng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam	TP Hà Nội	27,27%	27,27%	Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	Nghệ An	24,00%	36,00%	Đầu tư xây dựng và thương mại
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Cà Mau	30,00%	30,00%	Tư vấn và thi công xây lắp công trình dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH Vietubes	Bà Rịa-Vũng Tàu	30,00%	30,00%	Sản xuất và cung cấp dịch vụ xử lý, gia công kim loại

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác (i)	346.176.394.000	320.005.076.160
	346.176.394.000	320.005.076.160

(i) Trong đó, một số khoản đầu tư dài hạn chủ yếu của Tổng Công ty như sau:

- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long với số tiền 147,3 tỷ VND tương đương 15% vốn điều lệ.
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí IDICO Long Sơn với số tiền 120 tỷ VND tương đương 14,51% vốn điều lệ.
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sông Hồng với số tiền 13,5 tỷ VND tương đương 9% vốn điều lệ.
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An với số tiền 16 tỷ VND tương đương 16% vốn điều lệ.
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao Sopewaco với số tiền 10,2 tỷ VND tương đương 17,63% vốn điều lệ.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2009	2008
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	35.455.649.040	14.399.622.134
Tăng do hợp nhất	1.252.257.673	3.481.752.254
Tăng thêm trong năm	221.620.912.027	45.742.401.804
Phân bổ vào chi phí trong năm	(31.367.619.637)	(26.060.705.972)
Giảm khác	(13.742.637.550)	(2.107.421.180)
Tại ngày 31 tháng 12	213.218.561.553	35.455.649.040

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Lợi thế thương mại
	VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2009	20.592.823.350
Tăng do mua công ty liên kết	22.362.655.549
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	42.955.478.899
Hao mòn	
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2009	1.201.248.029
Khấu hao trong năm	2.222.935.867
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	3.424.183.896
Giá trị còn lại	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	19.391.575.321
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	39.531.295.003

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	501.462.810.696	549.835.363.038
- Vay tại Công ty Mẹ	336.781.252.040	408.015.039.393
- Vay tại các Công ty con	164.681.558.656	141.820.323.645
 Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	 33.395.087.283	 1.217.431.152
- Vay tại Công ty Mẹ	33.063.688.752	1.217.431.152
- Vay tại các Công ty con	331.398.531	-
	<u>534.857.897.979</u>	<u>551.052.794.190</u>

Chi tiết một số khoản vay chủ yếu của Tổng Công ty như sau:

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (i)	203.273.193.267	386.868.003.845
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (ii)	10.096.220.343	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (iii)	39.578.916.844	-

(i) Vay ngắn hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam bao gồm 7 khoản vay theo hình thức hợp đồng tín dụng hạn mức với mức lãi suất 12%/năm.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng vay số 01/2009/HĐHM, hạn mức vay là 15 tỷ VND. Lãi suất theo từng lần nhận nợ cụ thể từ 9% - 10,5% /năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp tài sản.

(iii) Khoản vay ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu với hạn mức cho vay 40 tỷ VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, thanh toán tiền lương. Khoản vay chịu lãi suất tại thời điểm giải ngân.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	44.083.999.488	17.405.532.428
Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.874.670.842	6.281.928.005
Thuế thu nhập cá nhân	1.966.389.777	1.344.631.647
Các loại thuế khác	3.842.249.439	1.119.045.834
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
	<u>94.767.309.546</u>	<u>26.151.137.914</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Trích trước chi phí của các công trình	290.136.291.123	59.720.227.407
Chi phí lãi vay	-	348.326.064
Chi phí phải trả khác	1.552.126.830	9.389.972.223
	291.688.417.953	69.458.525.694

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Phải trả Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí (i)	183.689.300.000	-
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (ii)	25.334.881.723	95.833.689.007
Phải trả các đội thi công tiền công trình khách sạn Phương Đông	-	17.100.049.008
Phải trả tiền mua cổ phần của các cổ đông	23.958.485.335	-
Phải trả về góp vốn hợp tác liên doanh khu đô thị Hậu Giang	20.480.000.000	-
Phải trả Ban Quản lý dự án Số 7 Quang Trung	7.499.606.149	15.363.105.649
Phải trả về cổ phần hóa	3.356.480.696	-
Các khoản phải trả khác (iii)	109.100.209.860	76.361.672.453
	373.418.963.763	204.658.516.117

(i) Số phải trả Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam là số tiền chuyển nhượng 15.390.775 cổ phần của Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí theo hợp đồng số 101/2009/PVFC-PVC ngày 30 tháng 11 năm 2009 giữa Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Tổng giá chuyển nhượng theo hợp đồng là 184.689.300.000 VND. Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, Tổng Công ty đã thanh toán cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam 1.000.000.000 VND, còn phải trả là 183.689.300.000 VND.

(ii) Số phải trả Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam bao gồm:

- Lợi nhuận năm 2008 phải trả là 15.598.167.709 VND;
- Phí dịch vụ tạm tính năm 2009 phải nộp là 120.819.610 VND;
- Nhận tạm ứng tiền thi công và mua vật tư cho các công trình mà Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam làm chủ đầu tư, với giá trị là 9.615.894.404 VND.

(iii) Trong đó:

- Tổng Công ty thu hộ các Công ty con, bao gồm các công ty: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí, Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội, tiền mua cổ phần từ cán bộ nhân viên với giá trị là 12.187.000.000 VND.
- Số tiền phải nộp cho Thanh tra Nhà nước theo công văn số 545 ngày 22 tháng 4 năm 2004 cho những khoản chi phí không được quyết toán của các công trình: LPG Thị Vải, dự án 2 triệu m³ khí ngày đêm và công trình nhà máy sợi Bazan siêu mảnh với giá trị là 2.398.094.408 VND.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Vay dài hạn	251.459.786.804	16.419.315.300
- Vay tại Công ty Mẹ	109.857.416.208	2.154.365.300
- Vay tại các Công ty con	141.602.370.596	14.264.950.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	5.357.526.562	-
- Nợ thuê tài chính dài hạn tại Công ty mẹ	5.357.526.562	-
- Nợ thuê tài chính dài hạn tại các Công ty con	-	-
	256.817.313.366	16.419.315.300
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn tại Thuyết minh 17)	(33.395.087.283)	(1.217.431.152)
Số phải trả sau 12 tháng	223.422.226.083	15.201.884.148

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Nghệ An (i)	109.976.040.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (ii)	92.524.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình (iii)	15.734.755.008	-
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (iv)	12.530.790.596	2.154.365.300
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (v)	9.015.540.000	9.264.950.000
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (vi)	5.000.000.000	5.000.000.000
Các ngân hàng thương mại khác	6.678.661.200	-
Nợ thuê tài chính dài hạn (vii)	5.357.526.562	-
	256.817.313.366	16.419.315.300

(i) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng tín dụng số 38/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 15/4/2009 để đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu Công nghiệp Hoàng Mai. Tổng số tiền vay không vượt quá 520.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 10 năm. Thời gian ân hạn 12 tháng. Lãi suất theo lãi suất vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước quy định tại thời điểm ký hợp đồng là 6,9%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ dự án với tổng giá trị là 812.824.855.000 VND.

(ii) Tại ngày 31 tháng 8 năm 2009, Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương với số tiền cho vay cao nhất 115.654.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm 10 lần bắt đầu từ ngày 25 tháng 03 năm 2010 đến ngày 03 tháng 09 năm 2014. Lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam cộng biên độ 2,7%/năm nhưng không thấp hơn mức lãi suất sàn do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam công bố trong từng thời kỳ và không cao hơn mức lãi suất cho vay của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định trong từng thời kỳ nếu có (10,5%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2009) và được trả 6 tháng một lần. Tổng Công ty sử dụng tài sản để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty rút vốn với tổng số tiền 115.654.000.000 VND.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (iii) Tại ngày 10 tháng 11 năm 2009, Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình với số tiền cho vay cao nhất 25.000.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 06 năm 2010 đến ngày 29 tháng 12 năm 2014. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, có điều chỉnh, tần suất điều chỉnh tối đa 06 tháng/lần trong thời hạn vay vốn (11,2%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2009) và được trả 6 tháng một lần. Tổng Công ty sử dụng tài sản để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tổng Công ty đã rút vốn với tổng số tiền 19.668.443.760 VND.
- (iv) Khoản vay ký với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với mục đích đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này có thời hạn từ 3 đến 5 năm.
- (v) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng tín dụng số 01/2009/HĐ ngày 26 tháng 6 năm 2009. Tổng số tiền vay là 11.370.000.000 VND. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất thả nổi, kỳ đầu là 10,5%/năm. Khoản vay được dùng để đầu tư cho máy móc thiết bị thi công năm 2009. Tài sản thế chấp là các máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.
- (vi) Khoản vay ưu đãi từ Quỹ đầu tư phát triển của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/HĐ-DKVN ngày 12 tháng 4 năm 2006 nhằm mục đích phát triển ngành tư vấn thiết kế dầu khí với số tiền vay là 5.000.000.000 VND trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này không có đảm bảo, không phải trả lãi. Khoản vay đáo hạn vào ngày 21 tháng 4 năm 2008, tuy nhiên Petro Việt Nam vẫn chưa có kế hoạch thu hồi khoản vay này.
- (vii) Nợ thuê tài chính dài hạn theo Hợp đồng số 36.09.06/CTTC ngày 22 tháng 06 năm 2009 ký với Công ty Tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam thuê tài chính 7 xe ô tô. Thời hạn thuê trong 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,5%/năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNHN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Nguồn kinh phí	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2008	150.000.000.000	-	-	1.431.102.325	1.431.102.325	-	34.374.170.989	1.064.246.965	-	188.300.622.604
- Nhận vốn góp trong năm	1.350.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1.350.000.000.000
- Hợp nhất các công ty	-	838.136.154	(295.710.688)	1.399.741.692	1.053.739.557	372.335.709	2.999.475.332	1.904.236.368	1.300.000.000	9.571.954.124
- Kết chuyển các quỹ	-	353.558.399	-	(353.558.399)	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	82.020.338.448	-	-	82.020.338.448
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(252.340.068)	-	-	-	-	-	-	(252.340.068)
- Phân phối lợi nhuận	-	194.285.715	-	8.081.456.963	2.242.614.620	831.538.207	(16.065.551.257)	4.715.655.752	-	-
- Tăng khác	-	-	-	137.865.562	-	-	-	239.340.699	1.213.000.000	1.590.206.261
- Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(15.000.000.000)	-	-	(15.000.000.000)
- Chi quỹ	-	-	-	-	-	(372.335.709)	(188.941.529)	(4.203.766.705)	-	(4.765.043.943)
Tại ngày 01/01/2009	1.500.000.000.000	1.385.980.268	(548.050.756)	10.696.608.143	4.727.456.502	831.538.207	88.139.491.983	3.719.713.079	2.513.000.000	1.611.465.737.426
- Hợp nhất các công ty	-	-	-	417.102.124	59.586.017	-	-	198.462.168	-	675.150.309
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	207.519.493.811	-	-	207.519.493.811
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	9.282.433.599	4.415.749.648	68.461.793	(20.202.648.434)	6.436.003.394	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	4.977.811.761	855.380.000	-	5.833.191.761
- Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(56.673.296.836)	-	-	(56.673.296.836)
- Chi quỹ	-	-	-	-	-	(445.000.000)	-	(8.153.552.410)	-	(8.598.552.410)
- Giảm khác	-	(583.592.898)	248.320.878	(674.475.397)	(458.710.798)	-	-	(76.398.083)	(2.513.000.000)	(4.057.856.298)
Tại ngày 31/12/2009	1.500.000.000.000	802.387.370	(299.729.878)	19.721.668.469	8.744.081.369	455.000.000	223.760.852.285	2.979.608.148	-	1.756.163.867.763

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DNHN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Tổng Công ty đều bằng 1.500.000.000.000 VND (năm 2008: 1.500.000.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	1.243.017.500.000	82,87%	866.518.500.000	1.318.017.500.000
Các cổ đông khác	256.982.500.000	17,13%	633.481.500.000	181.982.500.000
	1.500.000.000.000	100%	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000

23. DOANH THU

	2009 VND	2008 VND
Hoạt động xây lắp	3.731.410.540.196	1.753.999.801.366
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	187.285.315.812	-
Hoạt động sản xuất công nghiệp	60.518.777.394	-
Hoạt động dịch vụ	17.788.421.802	-
Hoạt động tư vấn xây dựng	6.686.265.752	11.914.366.494
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	6.231.437.368	-
Hoạt động khác	62.193.516.505	42.586.206.668
	4.072.114.274.829	1.808.500.374.528

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2009 VND	2008 VND
Hoạt động xây lắp	3.387.444.635.883	1.591.155.814.868
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	133.008.860.166	-
Hoạt động sản xuất công nghiệp	49.793.163.002	-
Hoạt động dịch vụ	16.373.600.772	-
Hoạt động tư vấn xây dựng	5.432.223.998	8.489.258.867
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	7.350.416.154	-
Hoạt động khác	54.214.259.944	38.478.012.296
	3.653.617.159.919	1.638.123.086.031

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNHN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2009	2008
	VND	VND
Lãi chuyển nhượng cổ phần (i)	73.773.990.000	-
Lãi tiền gửi, kỹ quỹ ngân hàng	27.464.495.239	27.464.495.239
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.442.492.206	23.567.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.220.972.347	1.854.614.817
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.143.017.244	1.691.754.115
Doanh thu hoạt động tài chính khác	986.222.121	305.719.295
	128.031.189.157	31.340.150.966

(i) Trong đó, bao gồm:

- Lãi bán cổ phần Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí (PVE) đợt 1 theo Nghị quyết số 698/NQ-XLDK ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty. Theo đó, số lượng bán là 190.100 cổ phần, giá bán 21.197 VND/cổ phần và lãi từ việc chuyển nhượng là 2.128.480.000 VND.

- Lãi bán cổ phần Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng (ICG) theo Nghị quyết số 866/NQ-XLDK ngày 23 tháng 10 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty. Theo đó, số lượng bán là 1.350.000 cổ phần, giá bán 35.869 VND/cổ phần và lãi từ việc chuyển nhượng là 34.922.700.000 VND.

- Lãi bán cổ phần Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí (PVE) đợt 2 theo Nghị quyết số 850/NQ-XLDK ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Hội đồng Quản trị. Theo đó, số lượng bán là 2.379.900 cổ phần, giá bán 20.125 VND/cổ phần và lãi từ việc chuyển nhượng là 24.096.530.000 VND.

- Lãi bán cổ phần Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVA) theo Nghị quyết số 863/NQ-XLDK ngày 23 tháng 10 năm 2009 của Hội đồng Quản trị. Theo đó, số lượng bán là 1.145.500 cổ phần, giá bán 21.023 VND/cổ phần và lãi từ việc chuyển nhượng là 12.626.280.000 VND.

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2009	2008
	VND	VND
Chi phí lãi vay	29.059.627.975	26.667.925.509
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.049.462.399	208.772.299
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.173.935.056	341.079.591
Chi phí tài chính khác	4.318.413.312	1.808.457.769
	37.601.438.742	29.026.235.168

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DNHN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. LỢI NHUẬN TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	2009	2008
	VND	VND
Lợi nhuận công ty liên kết, liên doanh	15.026.651.292	14.034.675.526
Phân bổ lợi thể thương mại	(2.222.935.867)	(1.201.248.029)
	12.803.715.425	12.833.427.497

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2009	2008
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	277.642.790.290	98.451.762.733
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(36.673.280.214)	(27.776.380.131)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.130.485.327	2.311.607.959
Thu nhập chịu thuế	242.099.995.403	72.986.990.561
Thuế suất	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.524.998.851	20.436.357.354
Trừ: Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	11.844.151.450	10.142.751.175
Cộng: Thuế TNDN nộp bổ sung theo quyết toán thuế năm trước	-	578.449.468
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.757.687.888	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	50.438.535.289	10.872.055.647

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty đang được hưởng ưu đãi đối với doanh nghiệp cổ phần mới thành lập bao gồm việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp trong 2 năm tiếp theo. Tổng Công ty bắt đầu hưởng ưu đãi về thuế kể từ thời điểm chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần vào tháng 3 năm 2006. Năm 2009 là năm thứ tư Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, kinh doanh có lãi và là năm thứ hai được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính, thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản phải hạch toán riêng để kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, không được bù trừ với thu nhập hoặc lỗ từ các hoạt động sản xuất kinh doanh khác. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản phải xác định riêng để kê khai nộp thuế. Không áp dụng mức thuế suất ưu đãi; thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản và hoạt động chuyển nhượng vốn.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm dựa trên lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 207.519.493.811 VND (năm 2008 là: 82.020.338.448 VND) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 150.000.000 (năm 2008 là: 64.488.999), được thực hiện như sau:

	2009	2008
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	228.961.942.889	87.579.707.086
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	207.519.493.811	82.020.338.448
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính		
lãi trên cổ phiếu cơ bản	150.000.000	64.488.999
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.383	1.272

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DNHN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. CỔ TỨC**

Theo Nghị quyết số 130/NQ-XLKD ngày 01 tháng 02 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc phê duyệt phương án chia cổ tức năm 2009, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã đề xuất phương án chia cổ tức tỷ lệ 10%/cổ phiếu. Mức cổ tức đề xuất sẽ được thanh toán cho các cổ đông ước tính khoảng 150.000.000.000 VND.

Trong tháng 3 năm 2010, Tổng Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2009 bằng tiền với tỷ lệ 7%/cổ phiếu, ngày đăng ký cuối cùng là ngày 10 tháng 03 năm 2010, ngày giao dịch không hưởng cổ tức là ngày 08 tháng 03 năm 2010. Các cổ đông của Tổng Công ty sẽ phê duyệt chính thức tỷ lệ chia cổ tức này tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, Tổng Công ty chưa hạch toán khoản cổ tức được chia này vào báo cáo tài chính hợp nhất năm nay.

31. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Theo Nghị quyết số 225/NQ-XLKD ngày 8 tháng 3 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí. Tổng Công ty cam kết góp với số tiền là 50.000.000.000 VND tương đương 10% vốn điều lệ.

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	13.443.296.679	10.467.095.100
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	48.397.222.192	8.006.503.350
Sau năm năm	69.210.925.207	915.636.000
	<u>131.051.444.078</u>	<u>19.389.234.450</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

Chi phí thuê hoạt động phản ánh các khoản sau:

- Thuê văn phòng tại tòa nhà C.E.O số 239 đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, với thời hạn thuê từ ngày 10 tháng 11 năm 2009 đến ngày 31 tháng 01 năm 2020, tổng số tiền thuê là 127.213.592.000 VND (bao gồm thuế GTGT 10%).
- Thuê văn phòng tại tòa nhà SANNAM, phường Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội. Thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 4 năm 2009 đến 01 tháng 4 năm 2029, tổng số tiền thuê là 28.710.499.000 VND (bao gồm VAT 10%).
- Thuê đất để xây dựng bến vật liệu xây dựng; xây dựng Phòng thí nghiệm Kiểm định Địa chất và Vật liệu xây dựng; xây dựng trạm trộn bê tông tươi HanMix công suất 60m3/h, thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày 01/09/2008 đến 31/08/2013 và giá trị thuê là 540.000.000 VND cho 5 năm đầu tiên, giá trị thuê đất từ năm thứ 6 sẽ được thay đổi theo giá trị trường.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DNHN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ ĐỐI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Mua hàng hóa dịch vụ từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	2.346.630.647.529	38.316.766.725
Doanh thu thi công các công trình xây lắp cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam	2.548.093.174.491	1.453.161.015.981
	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Tiền gửi tại Tổng Công ty tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	15.012.500.000	-

Số dư với các bên liên quan:

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	51.007.535.141	120.066.766.101
Phải thu từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	160.043.471.499	177.298.615.239
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam ứng trước	925.646.848.645	429.638.876.140
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	-	95.833.689.007
Phải trả từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	62.430.705.489	16.183.504.343
Ứng trước cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	15.396.410.771	7.159.976.843
Các khoản vay		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam:		
- Vay thấu chi trên tài khoản trung tâm	-	-
- Vay ngắn hạn (lãi suất 0%)	-	140.000.000.000
- Vay dài hạn	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam:		
- Vay ngắn hạn	203.273.193.267	386.868.003.845
- Vay dài hạn	12.530.790.596	2.154.365.300

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	6.146.430.551	2.575.658.287

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DNHN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ**

Theo Nghị quyết số 130/NQ-XLKD ngày 01 tháng 02 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc phê duyệt phương án tạm ứng cổ tức năm 2009. Dự kiến tỷ lệ chia cổ tức năm 2009 là 10%/năm, tạm ứng trước cổ tức 7%/năm.

Theo Quyết định số 154/QĐ-XLKD ngày 08 tháng 02 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc góp vốn điều lệ Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung với tổng số tiền 76.500.000.000 VND. Trong đó, góp vốn bằng giá trị vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Xây lắp Dầu khí Miền Trung tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2009 là 54.914.812.118 VND, góp vốn bằng tài sản là 12.124.202.438 VND và góp vốn bằng tiền là 9.460.985.444 VND.

Theo Quyết định số 155/QĐ-XLKD ngày 08 tháng 02 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc góp vốn điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí với tổng số tiền 153.000.000.000 VND. Trong đó, góp vốn bằng giá trị vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2009 là 95.386.259.179 VND, góp vốn bằng tài sản là 45.871.973.561 VND và góp vốn bằng tiền là 11.741.767.260 VND.

Theo Quyết định số 156/QĐ-XLKD ngày 08 tháng 02 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc góp vốn điều lệ Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu khí với tổng số tiền 102.000.000.000 VND. Trong đó, góp vốn bằng giá trị vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Xây lắp Đường ống Bồn bể Dầu khí tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2009 là 60.178.279.976 VND, góp vốn bằng tài sản là 32.911.770.823 VND và góp vốn bằng tiền là 8.909.949.201 VND.

Theo Quyết định số 157/QĐ-XLKD ngày 08 tháng 02 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí với tổng số tiền 102.000.000.000 VND. Trong đó, góp vốn bằng giá trị vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2009 là 75.207.173.842 VND, góp vốn bằng tài sản là 21.766.073.493 VND và góp vốn bằng tiền là 5.026.752.665 VND.

Theo Quyết định số 166/QĐ-XLKD ngày 10 tháng 02 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc thành lập Ban quản lý Khu đô thị Đại học Dầu khí với chức năng thay mặt Tổng Công ty trực tiếp quản lý việc thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Trường Đại học Dầu khí do Tổng Công ty làm chủ đầu tư.

Theo Nghị quyết số 201/NQ-XLKD ngày 01 tháng 03 năm 2010, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt phương án bán bớt phần vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC). Số lượng cổ phần dự kiến bán là 1.954.500 tương đương 19.545.000.000 VND. Sau khi bán, số lượng cổ phần Tổng Công ty còn nắm giữ là 2.000.000 cổ phần tương đương 20% vốn điều lệ hiện hữu.

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.